

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-PT

Ngày: 14 - 7- 2026

V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn A Đam

Ông Đặng Minh Trung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thúy An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2026/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2026 về việc “Tranh chấp xin ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 168/2026/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2026/QĐ-PT ngày 25 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đặng Thanh N**, sinh năm 1965; CCCD số 096065014608 (Có mặt).

Địa chỉ: **ấp M, xã T, tỉnh Cà Mau.**

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1971; CCCD số 096171001058 (Có mặt).

Địa chỉ: **ấp M, xã T, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Ông **Đặng Thanh N** trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà **Nguyễn Thanh T** chung sống với nhau vào năm 1992 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau đến

nay, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 04 người con chung tên Đặng Thanh T1, sinh năm 1993 (chết); Đặng Bảo T2, sinh năm 1997; Đặng Kim Q, sinh năm 2003; Đặng Kim N1, sinh năm 2006. Do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Có 01 căn nhà xây dựng trên phần đất của cha ông, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bà Nguyễn Thanh T trình bày: Về hôn nhân thì bà thống nhất với nội dung trình bày của ông N, nhưng bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông N để lại căn nhà của vợ chồng đang ở cho bà và các con ở.

Về con chung: Do con tên Đặng Kim N1, sinh năm 2006 bị bệnh bẩm sinh nên bà yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Bà xác định có nợ bà Nguyễn Hồng Đ số tiền 14.000.000 đồng, nợ Trương Yến N2 số tiền 26.000.000 đồng, nợ Đoàn Thu T3 số tiền 8.500.000 đồng. Bà xác định đây là nợ chung của vợ chồng, nhưng nếu ông N đồng ý giao căn nhà cho bà thì bà sẽ trả toàn bộ số tiền nợ.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 168/2026/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 11, 85, 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Đặng Thanh N và bà Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung tên Đặng Kim N1, sinh năm 2006 cho bà Nguyễn Thanh T nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/5/2026 bà Nguyễn Thanh T kháng cáo với nội dung đề nghị giao căn nhà cho bà quản lý, sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp

luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà **Nguyễn Thanh T**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà **Nguyễn Thanh T** vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, lý do bà đang nuôi một người con khuyết tật và một người cháu mồ côi cha mẹ, nếu không có nhà thì bà khó khăn trong việc nuôi con, bà không có lỗi lầm gì với ông **N**.

[2] Xét kháng cáo của bà **Nguyễn Thanh T**: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà **T** vẫn đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân và nuôi con, bà chỉ yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết giao căn nhà cho bà để bà có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con.

Xét, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà **Nguyễn Thanh T** xác định có tài sản chung là căn nhà và có nợ người khác nhưng chỉ yêu cầu nếu ông **Đặng Thanh N** giao lại căn nhà cho bà quản lý thì bà sẽ trả toàn bộ số tiền nợ chứ không yêu cầu giải quyết cụ thể về tiền nợ. Cấp sơ thẩm đã giải thích và ấn định cho bà **Nguyễn Thanh T** trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 23/3/2026 phải nộp cho Tòa án đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ nhưng bà **Nguyễn Thanh T** không thực hiện nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết, đã dành quyền cho bà **Nguyễn Thanh T** tự thỏa thuận với ông **Đặng Thanh N**, nếu không thỏa thuận được thì có thể khởi kiện thành một vụ kiện khác để yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn. Do đó không có căn cứ xem xét chấp nhận kháng cáo của bà **Nguyễn Thanh T**.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà **Nguyễn Thanh T** là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà **Nguyễn Thanh T** phải chịu án phí là 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà **Nguyễn Thanh T**. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 168/2026/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 11, 85, 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông **Đặng Thanh N** và bà **Nguyễn Thanh T** là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung tên **Đặng Kim N1**, sinh năm 2006 cho bà **Nguyễn Thanh T** nuôi dưỡng, ông **Đặng Thanh N** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu (ông **N** có đơn xin miễn và được chấp nhận).

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Buộc bà **Nguyễn Thanh T** phải nộp 300.000 đồng. Bà **Nguyễn Thanh T** đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006946 ngày 28/5/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau;
- Phòng THA Dân sự Khu vực 4 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hà

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn A Đàm Đặng Minh T4

Hoàng Thị Hải H

